

大会名：全九州ダンス選手権大会

競技会コード：201223

開催年月日：平成24年5月6日

会場：宗像ユリックス

主催：一般社団法人日本ダンス議会(JDC)九州総局

- 審判員
- 1 井手口 眞夫
 - 2 中島 孝秀
 - 3 佐伯 浩一郎
 - 4 井口 敏子
 - 5 安信 富士子
 - 6 黒田 眞二
 - 7 山口 壽信
 - 8 原田 和雄
 - 9 森川 由香
 - 10 森野 繁
 - 11 中島 秀樹
 - 12 三浦 教林代
 - 13 松本 美千子
 - 14 溝部 なるみ
 - 15 中村 徹
 - 16 渋谷 美徳
 - 17 桑野 満代
 - 18 後藤 美智代
 - 19 高木 和子
 - 20 本田 章典

プロホールルーム 選手権 5種目総合 出場：18組 種目：WTFVQ

【1次予選】

背番号	1	2	3	4	6	7	9	10	14	得点	順位	判定
1	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL
3	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL
6	WTFQ	..FQ	..F.	WTFQ	WTFQ	W...	W.FQ	.TF.	21	12	CALL
8	WTFQ	WTFQTF.	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTF.	29	9	CALL
10	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL
14	W...	...QQ	3	17	—
19TF.T..FQ	5	16	—
21	WTFQ	.T..	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	.TFQ	WTFQ	WTFQ	32	8	CALL
24	WTFQ	WTFQ	WT.Q	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	W.FQ	WTFQ	34	7	CALL
26	0	18	—
27	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL
28	.T..	.TFQ	W.FQ	W.FQ	.TFQ	.TFQ	W.F.	WT.Q	WTF.	24	11	CALL
30	W...	WTFQ	WTFQ	WTF.	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WT.Q	27	10	CALL
32	WTFQ	WTFQ	W..QQ	11	15	—
35	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL
36	W.FQ	WTF.	WT.Q	W...Q	WTFQ	15	13	—
39	..FQ	WT..	.T..	WTFQ	WT..	WTFQ	15	13	—
41	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	WTFQ	36	1	CALL

【準決勝】

背番号	1	2	3	4	6	7	9	10	14	得点	順位	判定
1	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	43	3	CALL
3Q	W.VF.	WTVFQ	W.VFQVF.	15	8	—
6	WTV..F.	4	10	—
8T...	W....	W....	WTVFQ	8	9	—
10	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	45	1	CALL
21	WTVFQ	WT..Q	W....	WT.FQ	WT.FQ	17	7	—
24	..VFQ	W.VF.VFQV..	WTVFQ	WTV.Q	19	6	CALL
27	WTVFQ	WTVFQ	W.VFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	.TVFQ	WTVFQ	WTVFQ	43	3	CALL
28QV..	.T...	3	11	—
30	WT.F.	3	11	—
35	WT.FQ	WTVFQ	.TV..	.T...	.TV.Q	WT.FQQ	WTVFQ	25	5	CALL
41	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	WTVFQ	45	1	CALL

【決勝】

背番号	1	2	3	4	6	7	9	10	14	W	T	V	F	Q	総合
1	44533	55545	43444	35545	22333	46645	65455	44344	44445	4.0	4.0	4.0	3.0	4.0	4
10	22222	33323	22122	22222	33222	21222	31211	22222	22222	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2
24	66366	66666	66666	66454	65666	54554	22332	66556	55664	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6
27	33444	44454	34333	54666	44444	33333	44544	33433	33333	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	3
35	55655	22232	55555	43333	56555	65466	56666	55665	66556	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5
41	11111	11111	11211	11111	11111	12111	13123	11111	11111	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績	順位
1	福島 優一	小嶋 さとみ	福岡	決勝	4位
3	土持 祐介	土持 春奈	福岡	準決	
6	山下 元康	藤山 華子	北九州	準決	
8	原田 和征	田原 良子	福岡	準決	
10	岸本 真臣	大津谷 陽子	佐賀	決勝	2位
14	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	1次	
19	大木 健	浜田 ゆか	北九州	1次	
21	麻生 貴夫	麻生 めぐみ	福岡	準決	
24	山口 誉雄	酒井 苑美	福岡	決勝	6位
26	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	1次	
27	王野 振稔	王野 亜紀	福岡	決勝	3位
28	山本 博之	上田 晃実	北九州	準決	
30	住吉 敏英	住吉 静代	福岡	準決	
32	立元 孝樹	小野 真由美	北九州	1次	
35	大山 博之	山口 絹代	鹿児島	決勝	5位
36	尾石 悟郎	尾石 梨沙	熊本	1次	
39	嘉戸 秀樹	嘉戸 万年青子	北九州	1次	
41	小木戸 太一	七田 ユカ	北九州	決勝	1位

プロテニア杯 選手権 5種目総合 出場：10組 種目：CSR PJ

【準決勝】

背番号	1	2	3	4	6	8	10	15	16	得点	順位	判定
2	CSR PJ	.SRPJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	.S.PJ	42	2	CALL
7	CSR PJ	C.RPJJ	...P.	CSR PJ	..R..	CSR PJ	CSR PJ	27	6	CALL
11	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	CSR PJ	45	1	CALL
14	C....	C.R..	CS...P.	..R..	7	9	—
15	CSR..	.S.P.SRPJ	CSR PJJ	C..PJ	18	8	—

1 9	C..PJ	..RPJ	CSRPJ	.SRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRP.	.S...	35	5	CALL
2 6	0	10	-
2 9	CSRPJ	CS.PJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	CSR.J	C.R..	40	3	CALL
3 8	.SR..	CSRPJ	.S.PJ	C.R.J	CS...	CSRPJ	20	7	-
4 0	CSRPJ	.S...	C.R..	CSRPJ	C.RPJ	CSRPJ	CS.PJ	CSRPJ	CSRPJ	CSRPJ	36	4	CALL

【決勝】

背番号	1	2	3	4	6	8	10	15	16	C	S	R	P	J	総合
2	44435	22222	22222	22222	22222	55555	22232	22322	42544	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2
7	55554	33333	53534	65564	65455	22244	54555	63464	55235	5.0	4.0	5.0	5.0	4.0	5
1 1	11111	11111	11111	11111	11111	11111	11111	11111	11121	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1
1 9	66666	55555	66466	44636	44544	66666	46666	56656	66666	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6
2 9	22322	44444	45343	33343	33333	43432	33323	45543	34453	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3
4 0	33243	66666	34655	56455	56666	34323	65444	34235	23312	4.0	5.0	4.0	4.0	5.0	4

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績	順位
2	白井 清法	有馬 加菜	福岡	決勝	2位
7	井上 將也	井上 由香	北九州	決勝	5位
1 1	松本 達明	松本 みき子	熊本	決勝	1位
1 4	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	準決	
1 5	福原 亘	鬼木 昌子	福岡	準決	
1 9	大木 健	浜田 ゆか	北九州	決勝	6位
2 6	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	準決	
2 9	石橋 優一	桑野 沙弥香	北九州	決勝	3位
3 8	西山 ウイル	清田 智美	北九州	準決	
4 0	鈴木 剛	鈴木 由香	北九州	決勝	4位

プロホールルーム B級 T・F 出場：17組 種目：TF

【1次予選】

背番号	4	5	8	11	12	15	16	17	18	得点	順位	判定	
3	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	18	1	CALL	
6	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	18	1	CALL	
9F	TF	TF	T.	T.	7	14	-	
1 1	TF	TF	T.	TF	TF	.F	.F	TF	TF	15	9	CALL	
1 4	.F	TF	TF	TF	TF	..	TF	TF	..	13	10	CALL	
1 5	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	.F	.F	16	6	CALL	
1 7	..	TF	TF	TF	TF	8	13	-	
1 9	T.	TF	TF	5	15	-	
2 0	TF	TF	TF	TF	.F	TF	TF	T.	TF	16	6	CALL	
2 1	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	18	1	CALL	
2 4	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	18	1	CALL	
2 6F	TF	.F	..	4	16	-	
2 8	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	TF	T.	TF	17	5	CALL
3 0	TF	TF	TF	T.	TF	TF	TF	TF	T.	16	6	CALL	
3 2F	TF	3	17	-	
3 6	TF	..	TF	..	TF	TF	T.	TF	..	11	12	CALL	
3 9	TF	TF	..	T.	T.	TF	.F	TF	TF	13	10	CALL	

【準決勝】

背番号	4	5	8	11	12	15	16	17	18	得点	順位	判定
3	TF	TF	TF	.F	TF	TF	TF	.F	TF	16	2	CALL
6	.F	T.	TF	T.	T.	T.	T.	T.	TF	11	5	CALL

1 1	..	.FF	.F	3	12	—
1 4	T.	TF	TF	T.	..	6	8	—
1 5	TF	.F	TF	TF	T.	T.	.F	.F	TF	13	3	CALL
2 0	..	T.	.F	TF	.F	.F	TF	..	T.	9	6	CALL
2 1	TF	TF	TF	TF	TF	TF	T.	TF	TF	17	1	CALL
2 4	TF	TF	T.	.F	TF	T.	.F	T.	.F	12	4	CALL
2 8	TF	T.	.F	TF	.F	7	7	—
3 0	T.	T.	TF	..	4	10	—
3 6	.F	T.	TF	..	4	10	—
3 9	..	TFF	..	.F	TF	6	8	—

【決勝】

背番号	4	5	8	11	12	15	16	17	18	T	F	総合
3	33	23	43	63	12	12	45	21	34	3.0	3.0	3
6	56	35	66	46	46	56	14	55	22	5.0	6.0	5
1 5	44	54	34	35	54	43	23	33	45	4.0	4.0	4
2 0	65	66	55	54	65	34	61	66	66	6.0	5.0	6
2 1	22	12	21	12	33	65	32	12	13	1.0	2.0	2
2 4	11	41	12	21	21	21	56	44	51	2.0	1.0	1

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績	順位
3	土持 祐介	土持 春奈	福岡	決勝	3位
6	山下 元康	藤山 華子	北九州	決勝	5位
9	上妻 秀典	大神 ひとみ	福岡	1次	
1 1	松本 達明	松本 みき子	熊本	準決勝	
1 4	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	準決勝	
1 5	福原 亘	鬼木 昌子	福岡	決勝	4位
1 7	池田 雅志	尾造 優子	北九州	1次	
1 9	大木 健	浜田 ゆか	北九州	1次	
2 0	塩塚 俊郎	倉掛 啓子	福岡	決勝	6位
2 1	麻生 貴夫	麻生 めぐみ	福岡	決勝	2位
2 4	山口 誉雄	酒井 苑美	福岡	決勝	1位
2 6	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	1次	
2 8	山本 博之	上田 晃実	北九州	準決勝	
3 0	住吉 敏英	住吉 静代	福岡	準決勝	
3 2	立元 孝樹	小野 真由美	北九州	1次	
3 6	尾石 悟郎	尾石 梨沙	熊本	準決勝	
3 9	嘉戸 秀樹	嘉戸 万年青子	北九州	準決勝	

プロテニア杯 B級 R・P 出場：9組 種目：RP

【準決勝】

背番号	3	6	7	8	11	13	14	15	16	得点	順位	判定
4	RP	..	RP	RP	.P	..	7	8	—
7	RP	RP	RP	RP	RP	RP	RP	RP	RP	18	1	CALL
1 4	.P	RP	RP	RP	RP	..	RP	R.	R.	13	5	CALL
1 5	RP	RP	RP	RP	RP	..	RP	RP	RP	16	3	CALL
2 2	RP	.P	RP	..	RP	RP	RP	11	6	CALL
2 6P	.P	2	9	—
3 5	RP	R.	RP	RP	RP	RP	RP	RP	RP	17	2	CALL
3 8	RP	RP	R.	RP	RP	RP	RP	R.	RP	16	3	CALL
4 2	R.	RP	.P	RP	..	RP	..	8	7	—

【決勝】

背番号	3	6	7	8	11	13	14	15	16	R	P	総合
7	13	55	11	11	11	21	21	11	23	1.0	1.0	1
14	56	66	65	23	54	65	66	34	66	6.0	6.0	6
15	45	23	53	32	45	56	53	22	44	4.0	4.0	4
22	22	42	44	66	66	44	44	66	55	5.0	5.0	5
35	34	11	22	44	32	33	12	55	32	2.0	2.0	2
38	61	34	36	55	23	12	35	43	11	3.0	3.0	3

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績
4	上原 太陽	大山 真里	熊本	準決勝
7	井上 將也	井上 由香	北九州	決勝 1位
14	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	決勝 6位
15	福原 亘	鬼木 昌子	福岡	決勝 4位
22	井口 裕樹	川内 美穂子	熊本	決勝 5位
26	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	準決勝
35	大山 博之	山口 絹代	鹿児島	決勝 2位
38	西山 ウイル	清田 智美	北九州	決勝 3位
42	安信 汐朗	高橋 美和		準決勝

プロホールルーム C級 T・Q 出場：13組 種目：TQ

【1次予選】

背番号	1	2	3	7	8	9	10	13	19	得点	順位	判定
5	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
9	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
12	TQ	T.	TQ	.Q	..	TQ	TQ	..	TQ	12	12	CALL
14	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
17	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
19	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	.Q	TQ	TQ	17	8	CALL
20	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	..	16	10	CALL
23	T.	TQ	T.	T.	TQ	..	T.	TQ	TQ	12	12	CALL
25	.Q	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	17	8	CALL
26	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
32	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL
34	TQ	.Q	.Q	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	16	10	CALL
37	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	18	1	CALL

【準決勝】

背番号	1	2	3	7	8	9	10	13	19	得点	順位	判定
5	TQ	TQ	..	T.	TQ	7	6	CALL
9	.Q	..	.Q	T.	.Q	TQ	6	7	-
12	T.	TQ	3	10	-
14	T.	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	17	1	CALL
17	TQ	TQ	.Q	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	17	1	CALL
19	TQ	TQ	..	TQ	..	6	7	-
20	TQ	TQ	T.	TQ	TQ	TQ	TQ	T.	..	14	4	CALL
23	..	TQ	2	12	-
25	TQ	.Q	..	.Q	TQ	6	7	-
26	T.	TQ	3	10	-
32	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	.Q	TQ	..	15	3	CALL
34	TQ	2	12	-
37	TQ	TQ	TQ	TQ	TQ	10	5	CALL

【決勝】

背番号	1	2	3	7	8	9	10	13	19	T	Q	総合
5	33	33	66	66	66	66	66	66	45	6.0	6.0	6
14	56	11	22	22	22	11	22	53	11	1.0	1.0	1
17	12	55	45	13	35	32	11	34	24	2.0	4.0	3
20	44	44	11	34	11	43	33	45	66	4.0	3.0	4
32	21	22	33	41	43	24	44	21	32	3.0	2.0	2
37	65	66	54	55	54	55	55	12	53	5.0	5.0	5

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績
5	土師 慎介	金苗 裕子	北九州	決勝 6位
9	上妻 秀典	大神 ひとみ	福岡	準決勝
12	牛嶋 道弘	三木 由美子	北九州	準決勝
14	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	決勝 1位
17	池田 雅志	尾造 優子	北九州	決勝 3位
19	大木 健	浜田 ゆか	北九州	準決勝
20	塩塚 俊郎	倉掛 啓子	福岡	決勝 4位
23	山下 英昭	国生 祐子	鹿児島	準決勝
25	原 聡	原 恵子	福岡	準決勝
26	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	準決勝
32	立元 孝樹	小野 真由美	北九州	決勝 2位
34	坊野 健一郎	金子 智佐	鹿児島	準決勝
37	奥田 邦彦	渡邊 めぐみ	北九州	決勝 5位

プロラテニアメカ CD級 C・S 出場：7組 種目：CS

【準決勝】

背番号	1	2	3	6	7	10	13	14	16	得点	順位	判定
4	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	18	1	CALL
14	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	18	1	CALL
22	CS	CS	.S	CS	CS	CS	CS	CS	CS	17	4	CALL
26	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	18	1	CALL
31	..	.S	C.	CS	CS	CS	8	7	-
37	CS	CS	CS	CS	CS	CS	12	6	CALL
42	CS	C.	CS	CS	CS	CS	CS	CS	CS	17	4	CALL

【決勝】

背番号	1	2	3	6	7	10	13	14	16	C	S	総合
4	56	12	13	13	35	56	13	22	46	1.0	3.0	2
14	42	21	31	44	41	11	51	33	12	3.0	1.0	1
22	11	33	22	32	23	34	35	55	21	2.0	2.0	3
26	65	55	65	55	66	43	66	44	33	6.0	6.0	6
37	34	44	56	66	54	65	22	11	65	5.0	5.0	5
42	23	66	44	21	12	22	44	66	54	4.0	4.0	4

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績
4	上原 太陽	大山 真里	熊本	決勝 2位
14	岩本 憲幸	島田 万菜	鹿児島	決勝 1位
22	井口 裕樹	川内 美穂子	熊本	決勝 3位
26	平崎 誠	切手 利江子	鹿児島	決勝 6位
31	中村 臣作	宮井 美千絵	北九州	準決勝
37	奥田 邦彦	渡邊 めぐみ	北九州	決勝 5位

プロホールゲーム D級 W・F 出場：11組 種目：WF

【準決勝】

背番号	5	6	11	12	13	14	15	18	20	得点	順位	判定
2	WF	WF	WF	WF	WF	W.	WF	.F	WF	16	1	CALL
4	WF	WF	WF	.F	..	.F	8	8	—
1 2	0	11	—
1 6	WF	W.	WF	W.	W.	.F	W.	WF	WF	13	4	CALL
1 8	..	WF	.F	W.	..	WF	..	6	9	—
2 3	.F	WF	WF	.F	.F	.F	.F	..	WF	11	5	CALL
2 9	W.	WF	WF	W.	W.	WF	W.	10	7	—
3 2	W.	WF	WF	WF	WF	WF	WF	WF	.F	16	1	CALL
3 4	WF	.F	WFF	WF	W.	WF	11	5	CALL
3 7	WF	WF	W.	WF	WF	WF	WF	WF	W.	16	1	CALL
3 8	.F	1	10	—

【決勝】

背番号	5	6	11	12	13	14	15	18	20	W	F	総合
2	12	12	11	11	33	64	11	32	54	1.0	1.0	1
1 6	46	64	33	33	66	23	66	13	11	3.0	4.0	3
2 3	55	36	42	55	54	56	35	64	22	6.0	5.0	5
3 2	64	21	26	22	22	32	53	21	35	2.0	2.0	2
3 4	21	55	55	66	45	45	44	56	43	5.0	6.0	6
3 7	33	43	64	44	11	11	22	45	66	4.0	3.0	4

【最終結果】

背番号	リーダー	パートナー	所属	成績
2	白井 清法	有馬 加菜	福岡	決勝 1位
4	上原 太陽	大山 真里	熊本	準決勝
1 2	牛嶋 道弘	三木 由美子	北九州	準決勝
1 6	林 幸	坂井 ますみ	熊本	決勝 3位
1 8	小森 勉	小森 恵美子	北九州	準決勝
2 3	山下 英昭	国生 祐子	鹿児島	決勝 5位
2 9	石橋 優一	桑野 沙弥香	北九州	準決勝
3 2	立元 孝樹	小野 真由美	北九州	決勝 2位
3 4	坊野 健一郎	金子 智佐	鹿児島	決勝 6位
3 7	奥田 邦彦	渡邊 めぐみ	北九州	決勝 4位
3 8	西山 ウイル	清田 智美	北九州	準決勝